

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 57/QĐ-UBND

Yên Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của xã Yên Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 23/04/2025 của Hội đồng nhân dân xã Yên Đồng về việc quyết nghị phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2024.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã Yên Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2024 của xã Yên Đồng (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn/xóm trong xã;
- Lưu VP, TC...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Phạm Quốc Huy

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn tại Nghị quyết số .02./NQ-HĐND ngày 25/4/2025)

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	15.250.034.230	Tổng số chi	15.250.034.230
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	485.311.835	I. Chi đầu tư phát triển	4.261.525.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7.040.642.070	II. Chi thường xuyên	8.832.982.954
III. Thu bổ sung	6.970.850.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.155.526.276
- Bổ sung cân đối	6.078.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	892.850.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	753.230.325		
Kết dư ngân sách			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Dung

Yên Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**CHỦ TỊCH
PHẠM QUỐC HUY**

UBND XÃ YÊN ĐỒNG

Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn tại Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 23/4/2025)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN			
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6=4/2
	Tổng số thu	12.584.715.000	8.747.000.000	24.847.802.107	15.250.034.230	197,44	174,35
I	Các khoản thu 100%	290.000.000	290.000.000	485.311.835	485.311.835	167,35	167,35
1	Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	23.687.000	23.687.000	47,37	47,37
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	110.000.000	110.000.000	172.251.900	172.251.900	156,59	156,59
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000.000	10.000.000				
4	Thu khác	120.000.000	120.000.000	289.372.935	289.372.935	241,14	241,14
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.150.715.000	2.313.000.000	16.638.409.947	7.040.642.070	270,51	304,39
1	Các khoản thu phân chia	193.572.000	143.000.000	370.532.431	266.872.757	191,42	186,62
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	111.429.000	78.000.000	192.986.015	135.090.263	173,19	173,19
1.2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	100,00	100,00
1.3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	57.143.000	40.000.000	152.546.416	106.782.494	266,96	266,96
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.957.143.000	2.170.000.000	16.267.877.516	6.773.769.313	273,08	312,16
2.1	Thu tiền sử dụng đất	5.000.000.000	1.500.000.000	12.741.710.500	3.822.513.150	254,83	254,83
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			243.981.000	73.194.300		
2.3	Thuế giá trị gia tăng	614.286.000	430.000.000	1.935.105.462	1.935.105.462	315,02	450,02
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	342.857.000	240.000.000	1.347.080.554	942.956.401	392,90	392,90

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN			
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6=4/2
A	B	1	2	3	4		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			753.230.325	753.230.325		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.144.000.000	6.144.000.000	6.970.850.000	6.970.850.000	113,46	113,46
1	Bổ sung cân đối ngân sách			6.078.000.000	6.078.000.000		
2	Thu bổ sung có mục tiêu			892.850.000	892.850.000		

Người lập biểu


Đặng Thị Dung

Yên Đông, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
PHẠM QUỐC HUY

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn tại Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 23.../4/2025)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	8.747.000.000	1.500.000.000	7.247.000.000	15.250.034.230	4.261.525.000	10.988.509.230	174,35	284,1	151,63
	Trong đó:									
1	Chi dân quân tự vệ	159.244.000		159.244.000	199.140.400		199.140.400	125,05		125,05
2	Chi trật tự an toàn xã hội	609.368.000		609.368.000	568.428.000		568.428.000	93,28		93,28
3	Chi giáo dục	1.032.000.000	958.000.000	74.000.000	2.890.736.000	2.878.316.000	12.420.000	280,11	300,45	16,78
4	Chi đào tạo	26.000.000		26.000.000	40.800.000		40.800.000	156,92		156,92
5	Chi y tế + dân số	80.000.000		80.000.000	44.935.500		44.935.500	56,17		56,17
6	Chi văn hóa, thông tin	127.000.000	42.000.000	85.000.000	124.567.800		124.567.800	98,08		146,55
7	Chi phát thanh, truyền thanh	42.000.000		42.000.000	37.435.500		37.435.500	89,13		89,13
8	Chi thể dục, thể thao	3.000.000		3.000.000				0		0
9	Chi bảo vệ môi trường	74.000.000		74.000.000	250.155.400		250.155.400	338,05		338,05
10	Chi các hoạt động kinh tế	660.000.000	500.000.000	160.000.000	1.779.030.192	1.383.209.000	395.821.192	269,55	276,64	247,39
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.219.388.000		5.219.388.000	6.685.205.162		6.685.205.162	128,08		128,08
11.1	Quản lý Nhà nước	3.092.944.560		3.092.944.560	3.964.950.669		3.964.950.669	128,19		128,19
11.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	881.286.400		881.286.400	1.112.413.140		1.112.413.140	126,23		126,23
11.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	490.044.960		490.044.960	591.608.630		591.608.630	120,73		120,73
11.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	170.604.000		170.604.000	233.689.830		233.689.830	136,98		136,98

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
11.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	191.103.200		191.103.200	252.019.350		252.019.350	131,88		131,88
11.6	Hội Cựu chiến binh	148.674.320		148.674.320	180.822.268		180.822.268	121,62		121,62
11.7	Hội Nông dân	181.266.560		181.266.560	234.988.575		234.988.575	129,64		129,64
11.8	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	63.464.000		63.464.000	114.712.700		114.712.700	180,75		180,75
12	Chi cho công tác xã hội	552.000.000		552.000.000	474.074.000		474.074.000	85,88		85,88
12.1	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	434.628.000		434.628.000	426.814.000		426.814.000	98,2		98,2
12.2	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	117.372.000		117.372.000	47.260.000		47.260.000	40,27		40,27
13	Dự phòng	163.000.000		163.000.000				0		0
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				2.155.526.276		2.155.526.276			

Yên Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Người lập biểu

Đặng Thị Dung



CHỦ TỊCH
PHẠM QUỐC HUY

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn tại Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/4/2025)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2024		Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG CỘNG		20.924.203.000	-	6.769.023.000	4.261.525.000	4.261.525.000	4.261.525.000	-
1	Xây mới 12 phòng học Trường THCS Yên Đồng	Từ tháng 3/2022 đến hết Quý IV/2024	9.931.053.000			1.339.364.000	1.339.364.000	1.339.364.000	
2	Xây dựng 12 phòng học trường Tiểu học Yên Đồng	Từ tháng 12/2020 đến tháng 06/2021	9.509.970.000		6.768.056.000	1.538.952.000	1.538.952.000	1.538.952.000	
3	Cải tạo, nâng cấp cầu nối xã Yên Đồng đi xã xã Yên Trị trên đường trục xã, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên	Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020	1.174.988.000		967.000	1.075.017.000	1.075.017.000	1.075.017.000	
4	Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Đồng giai đoạn đến năm 2030	Năm 2022	308.192.000			308.192.000	308.192.000	308.192.000	

Yên Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Dung

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**CHỦ TỊCH
PHẠM QUỐC HUY**